

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 27-7-2017

V/v kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Ông Phạm Đình Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Hà Thị Ngọc Bích
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc Kiện xin ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2017/DSST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố HB, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/QĐPT - TA ngày 30 tháng 5 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 9, phường H, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Công C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tạ Thị N1, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ 9, phường H, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1944. Địa chỉ: Tổ 9, phường H, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Có văn bản ủy quyền cho bà Tạ Thị N1).

3. Anh Nguyễn Đình C1, sinh năm 1974. Địa chỉ: xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có văn bản ủy quyền cho bà Tạ Thị N1)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đình Công C.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB, tỉnh Hòa Bình kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Năm 2006, chị và anh Đình Công C kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố HB trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh C hay ghen tuông và uống rượu say nên thường xuyên đánh đập chị. Anh C đã từng bị Công an phường C xử phạt hành chính về hành vi bạo lực đối với chị. Sau sự việc này vợ chồng chị đã được tổ dân phố, gia đình, cơ quan và Công an phường C hòa giải nhưng cũng chỉ được một thời ngắn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2016, đến nay chị không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Có hai con là cháu Đình Công H, sinh ngày 16/12/2006 và Đình Thị My A, sinh ngày 27/12/2009. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Nếu không được nuôi cả hai cháu, chị xin nuôi cháu A, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất số 110, tờ bản đồ 35 tại tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình và tài sản gắn liền trên đất là một nhà xây hai tầng một tum. Chị và anh C không thống nhất được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được sử dụng nhà đất và thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh C. Đối với tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh, máy in, máy giặt, máy cắt chữ, bàn ghế...v/v, chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khi xây nhà, vợ chồng anh chị có vay mượn tiền để xây nhà, cụ thể: Ngày 01/4/2015 vay anh Nguyễn Đình C1 số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), lãi suất 0,7%/tháng; Ngày 15/7/2015 vay bà Tạ Thị N1 số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), lãi suất 7%/năm; Ngày 18/10/2015, vay của bà Nguyễn Thị N2 số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất 0,7%/tháng. Do ngày 17/12/2017 đã trả hết lãi và trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền gốc, nay chỉ còn nợ bà N2 số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Các lần vay tiền đều có giấy vay tiền, hai vợ chồng chị cùng ký vào giấy vay. Đối với khoản tiền vay 20.000.000đ (*Hai mươi*

triệu đồng) của bà Nguyễn Thị S (mẹ chồng) năm 2015. Bà S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên vợ chồng chị tự thanh toán cho bà S, chị không yêu cầu giải quyết số tiền vay của bà S trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S có khai về khoản vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà không đề nghị Tòa án giải quyết, các con sẽ tự thanh toán cho bà.

Ý kiến của bị đơn anh Đinh Công C: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giống như chị N trình bày. Nhưng theo anh C, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh cũng có một phần lỗi là đã hiểu lầm chị, thỉnh thoảng có đi uống rượu bia về vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô xát, chị N làm đơn ly hôn anh, anh cũng đã biết lỗi và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn chị N vì anh còn yêu vợ và thương các con. Nếu buộc phải ly hôn, anh xin được nuôi cháu H và giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung là nhà và đất tại tổ 20, phường C, quan điểm của anh là sử dụng nhà đất nhưng không có tiền thanh toán chênh lệch cho chị N nên đề nghị Tòa án chia đôi mỗi bên sử dụng một nửa hoặc mỗi người sử dụng một tầng, còn tài sản khác anh không yêu cầu. Đối với nợ chung anh nhất trí trả một nửa số nợ mà chị N đã kê khai, còn tiền vay của mẹ đẻ anh, do bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh cũng không yêu cầu.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Đình C1: Nhất trí phần trình bày của chị N, anh C về nợ chung. Đề nghị anh C, chị N cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền đã vay và lãi phát sinh, cụ thể: vay của bà N1 số tiền gốc là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu); bà Tạ Thị N2 số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu) và lãi suất là 7%/năm tính từ ngày 18/12/2016 cho đến nay; anh Nguyễn Đình C1 số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Bản án số 05/2017/DSST – HNGĐ ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HB, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 59, Điều 60, Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự. Xử:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn anh Đinh Công C.

Về con chung: Giao cháu Đinh Công H, sinh ngày 16/12/2006 cho anh Đinh Công C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Đinh My A, sinh ngày 27/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N, anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền sử dụng diện tích đất 99,10m² tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 35 ở tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình và được quyền sở hữu ngôi nhà xây hai tầng một tum trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU718927 do Ủy

ban nhân dân thành phố HB cấp cho ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị Thúy N ngày 08/10/2014.

Chị Nguyễn Thị Thúy N có trách nhiệm thanh toán 319.030.000đ tiền chênh lệch tài sản cho anh Đinh Công C.

Anh Đinh Công C được nhận 319.030.000đ tiền chênh lệch tài sản từ chị Nguyễn Thị Thúy N.

Chị Nguyễn Thị Thúy N có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Tạ Thị N1 289.979.000đ, bà Nguyễn Thị N2 30.560.000đ, anh Nguyễn Đình C1 93.099.000đ. Anh Đinh Công C có quyền lưu cư trong ngôi nhà tại số 186, đường B, tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C chấm dứt.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 33.306.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 33.506.000đ. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai số 0001818 ngày 05/9/2016 và 18.000.000đ theo biên lai số 0001879 ngày 18/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HB, nay được đối trừ. Chị N còn phải nộp tiếp tiền án phí là 15.306.000đ

Anh Đinh Công C phải chịu 33.306.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án tuyên hoàn trả tiền tạm ứng án phí bà Tạ Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, anh Nguyễn Đình C1 và trong quyết định của bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/3/2017, anh Đinh Công C có đơn kháng cáo với nội dung: Về tài sản anh C đề nghị xem xét số tiền 200.000.000đ anh đã góp xây dựng nhà cửa, anh có nguyện vọng được sử dụng nhà và đất. Anh C có đề nghị tách phần nợ C1 ra để giải quyết sau. Anh không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì chị N là người làm đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 23/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB, tỉnh Hòa Bình kháng nghị đối với Bản án số 05/2017/DSST – HNGĐ ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HB do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, của con chưa thành niên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố HB giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị rút phần kháng nghị đối với việc chưa xem xét quyền lợi của con chưa thành niên và chưa làm rõ công sức đóng góp của các bên trong khối tài sản chung. Giữ nguyên nội dung kháng nghị về phần án phí, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Đinh Công C kết hôn năm 2006, hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hữu Nghị, Thành phố HB, theo đúng quy định của pháp luật, do vậy hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C hay ghen, uống rượu say đánh chị N nhiều lần, các cơ quan và chính quyền địa phương đã phải can thiệp, song anh C không khắc phục sửa chữa, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2016. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn anh Đinh Công C là có căn cứ.

[1] Xét kháng cáo của anh C đề nghị Tòa án xem xét số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) anh đóng góp xây nhà, anh đề nghị được sử dụng nhà đất. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N, anh C có tài sản chung là quyền sử dụng 99,10m² tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 35 ở tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình, trên đất có một nhà xây hai tầng một tum (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên anh Đinh Công C và Nguyễn Thị Thúy N). Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh C không đề cập đến khoản tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) mà anh cho rằng mình đã đóng góp để xây nhà, hơn nữa anh C, chị N đều đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản chung và được sử dụng nhà đất. Anh C khai nếu được sử dụng nhà đất, anh không có điều kiện để thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị N vì vậy anh đề nghị được chia bằng hiện vật, nhưng quá trình xem xét thẩm định thấy rằng ngôi nhà mới được xây dựng là một kết cấu hoàn chỉnh, khép kín, việc phân chia hiện vật là không thể thực hiện. Để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản của hai vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị N được sử dụng nhà đất tại tổ 20, phường C, thành phố HB và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh C là có căn cứ. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã triệu tập anh C để làm rõ khoản tiền 200.000.000đ mà anh đóng góp trong việc xây dựng nhà nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Ngoài ra, anh C kháng cáo không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nợ chung trong vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tách ra để giải quyết sau và không nhất trí với việc tuyên buộc anh phải chịu phần án phí. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị N khai khi xây nhà vợ chồng có vay tiền của anh C1, bà N1, bà N2 để xây nhà. Xét thấy việc giải quyết vụ án có liên

quan đến quyền lợi của bà N1, bà N2, anh C1 và những người này đều có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của họ, xét thấy yêu cầu độc lập của họ là phù hợp, cần được giải quyết trong cùng một vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần nợ chung trong cùng một vụ án là đúng quy định tại Điều 201, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh C.

Đối với phần án phí, theo quy định của Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh phải chịu án phí dân sự là đúng. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh C.

[2] Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ra quyết định kháng nghị, đến ngày 24 tháng 3 năm 2017 gửi quyết định kháng nghị đến Tòa án nhân dân thành phố HB, theo Nghị quyết số 06/2012/NQ – HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn phần “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hạn kháng nghị vẫn còn trong hạn luật định. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình rút kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên và chưa làm rõ công sức đóng góp của các bên trong việc tạo lập khối tài sản chung nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung này.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB về phần án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm tính chưa chính xác, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật về án phí, lệ phí, thì anh C, chị N phải chịu án phí như sau:

Án phí đối với giá trị phần tài sản mà họ có nghĩa vụ về tài sản: Mỗi người phải chịu tiền án phí của số tiền nợ là $206.819.000đ \times 5\% = 10.341.000đ$ / người.

Án phí đối với phần tài sản chung họ được chia sau khi chia sau khi trừ đi giá trị phần tài sản mà họ có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập là: $319.030.000đ \times 5\% = 15.951.500đ$.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB kháng nghị là có căn cứ cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí.

[3] Đối với phần tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phải chịu lãi suất nợ quá hạn là không chính xác mà phải tuyên lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Công C. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

Anh C không phải nộp án phí phúc thẩm,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đình chỉ xét xử phần kháng nghị của Viện kiểm sát về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và chưa làm rõ công sức đóng góp của các bên trong việc tạo lập khối tài sản chung.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 59, Điều 60, Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HB, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, phần nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Đình Công C.

Về con chung: Giao cháu Đình Công H, sinh ngày 16/12/2006 cho anh Đình Công C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Đình My A, sinh ngày 27/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung, Chị N, anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền sử dụng diện tích đất 99,10m² tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 35 ở tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình và được quyền sở hữu ngôi nhà xây hai tầng một tum trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU718927 do Ủy ban nhân dân thành phố HB cấp cho anh Đình Công C và chị Nguyễn Thị Thúy N ngày 08/10/2014. Anh Đình Công C có quyền lưu cư trong ngôi nhà tại số 186, đường B, tổ 20, phường C, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C chấm dứt.

Chị Nguyễn Thị Thúy N có trách nhiệm thanh toán 319.030.000đ (*Ba trăm mười chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch tài sản cho anh Đình Công C.

Chị Nguyễn Thị Thúy N có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Tạ Thị N1 289.979.000đ (*Hai trăm tám mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn*), bà Nguyễn Thị N2 30.560.000đ (*Ba mươi triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*), anh Nguyễn Đình C1 93.099.000đ (*Chín mươi ba triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015)

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 26.292.500đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 26.492.500đ. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai số 0001818 ngày 05/9/2016 và 18.000.000đ theo biên lai số 0001879 ngày 18/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HB, nay được đối trừ. Chị N còn phải nộp tiếp tiền án phí là 8.292.500đ.

Anh Đinh Công C phải chịu 26.292.500đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003101 ngày 07/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HB. Anh C còn phải nộp là 26.092.500đ.

Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh HB;
- TAND TP HB;
- Chi cục THADS TP HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

